TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày: 23-03-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thẩm
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 25/2/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

Bùi Văn V - sinh năm 1989; Nơi sinh và cư trú: thôn Đ, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (Bùi Văn T) và bà Nguyễn Thị T1; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo bị bắt giữ từ ngày 16/12/2020 theo quyết định truy nã, sau đó chuyển tạm giữ, tạm giam và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

+ Anh Nguyễn Viết T3, sinh năm 1998; có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

+ Anh Phạm Việt T4, sinh năm 1990; có mặt

Địa chỉ: Xóm 2, Thôn A, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

****Người làm chứng:***

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968
2. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1965

3. Ông Đặng Đức K, sinh năm 1967

Đều có địa chỉ: Khu n, Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

4. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1971

5. Anh Nguyễn Đức T6, sinh năm 2001

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

6. Anh Lưu Xuân C, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn A, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

7. Anh Nguyễn Danh Đ, sinh năm 1998

8. Ông Nguyễn Viết Đ1, sinh năm 1970

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

9. Anh Lê Xuân H3, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

10. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

11. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1999

12. Chị Nguyễn Thị Bích H1, sinh năm 1994

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

13. Chị Đặng Thị M, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang

(Tại phiên tòa, có mặt người làm chứng là anh C, anh Đ, anh V1; những người làm chứng khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Văn V có mối quan hệ xã hội với người có tên là H9 ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (không rõ họ, địa chỉ cụ thể). Tối ngày 01/02/2020, H9 cùng Đ2, H và L9 (bạn H9) đến nhà V chơi. Khoảng 02 giờ ngày 02/02/2020, V cùng nhóm bạn của H9 đi ăn đêm tại quán N ở khu 1, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Tại đây, V gặp các anh Nguyễn Văn V1, Lê Xuân H3, Nguyễn Danh Đ, Nguyễn Viết T3, Lê Xuân Đ9 đều ở xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đang ngồi ăn đêm tại quán. Thấy vậy, V bảo "những thằng nhuộm tóc ở Thanh Hà đem xử bắn hết" rồi tiến lại chỗ V1 đang ngồi quặp tay vào cổ V1 kéo đứng dậy đi ra đường. Anh V1 giằng co rồi cùng nhóm bạn bỏ chạy ra ngoài quán. Sau đó, nhóm của V đi về ăn đêm tại quán của ông Đặng Đức K ở K, huyện Thanh Hà. Trong lúc đang ăn thì có người gọi điện thoại cho V bảo quay lại quán ăn N. Lúc này, V biết là người trong nhóm anh V1 gọi điện. V đi ra phía sau quán lấy 01 đoạn gậy tre dài khoảng 01m, đường kính khoảng 07-08cm đem theo và mọi người quay lại quán N. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến quán N, V cầm gậy tre chỉ tay vào

nhóm V1 đang ngồi và hô đánh rồi cầm gậy Tre xông vào đánh V1. Thấy vậy anh V1 bỏ chạy, V cùng khoảng ba người nữa đuổi theo nhưng không đuổi kịp nên quay lại quán N thì gặp anh T3 đang điều khiển xe máy đi ngược chiều với V. V cầm gậy tre vụt ngang 01 nhát từ phải sang trái trúng vào mũi, má trái anh T3 làm anh T3 ngã xuống đường thì có khoảng ba người trước đó cùng V đuổi theo V1 xông vào dùng chân tay, gậy bóng chày đánh anh T3. Khi anh T3 đang bị đánh, anh T4 định ra can ngăn thì bị nhóm bạn của V dùng gậy xông vào đánh và dùng dao chém 01 nhát vào trán phải anh T4. V quay về quán N, thì thấy anh T4 đang bị đánh ở trước cửa quán, V ra can ngăn, anh T bỏ chạy vào quán S. Sau đó nhóm V bỏ đi, còn anh T3 và anh T4 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, đến ngày 07/02/2020 anh T4 ra viện, ngày 10/02/2020 anh T3 ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 76a/TgT ngày 22/4/2020 của Phòng giám định pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương xác định thương tích của anh T4 như sau: Vết thương đầu gây vỡ bản ngoài xương trán phải dài 45mm, đã xử lý, hiện ổn định, để lại sẹo vết thương vùng đầu ở đỉnh phải kích thước 6,3 x 0.15cm; tỷ lệ tổn thương do thương tích gây ra là 9%. Chấn thương gãy xương chính mũi, hiện ổn định, có đặc điểm do vật tày gây ra; tỷ lệ tổn thương do thương tích gây ra là 7%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 15%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 76b/TgT ngày 22/4/2020 của Phòng giám định pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương xác định thương tích của anh T4 như sau: Chấn thương gãy xương chính mũi, đã điều trị nội khoa, hiện ổn định. Sẹo vết thương phần mềm vùng rãnh mũi, má trái kích thước nhỏ. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây nên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10%.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 24/2/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Bùi Văn V về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo trình bày hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả.

Bị hại là anh T4 trình bày và giữ nguyên lời khai đã khai. Về trách nhiệm dân sự, anh đề nghị bị cáo bồi thường các khoản: Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương = 9.643.930đ; tiền thuốc = 6.709.216đ, thu nhập thực tế bị mất của người thân chăm sóc anh T4 = 1.500.000đ; thu nhập thực tế bị mất của anh T4= 1.500.000đ; chi phí đi lại của anh T4 và người nhà anh T4 trong quá trình anh T4 điều trị bệnh = 2000.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần = 29.800.000đ. Tổng = 51.153.146đ.

Bị hại là anh T3 trình bày và giữ nguyên lời khai đã khai. Về trách nhiệm dân sự, anh đề nghị bị cáo bồi thường các khoản: Tiền viện phí 7 triệu đồng; chi phí đi lại của anh là 2.500.000 đồng; chi phí đi lại của người thân chăm sóc anh

= 1.700.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần là 20 triệu đồng, tiền mất thu nhập của ông Đ1 (bố anh T4) khi phải nghỉ 9 ngày để chăm sóc anh tại Bệnh viện là 2.700.000đ; tiền mất thu nhập của anh = 250.000đ x 60 ngày= 15 triệu đồng. Tổng = 48.900.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn V phạm tội "Cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 27-30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2020. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn V phải bồi thường cho anh T4 tổng số tiền từ 25-30 triệu đồng và bồi thường cho anh T3 tổng số tiền từ 10-15 triệu đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định pháp y và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02/02/2020, tại trước cửa quán ăn N ở khu 1, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Bùi Văn V đã hô hào, kích động người khác và bản thân sử dụng gậy tre vụt vào mũi, má trái anh Nguyễn Viết T3, làm anh T3 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10%; nhóm bạn của V dùng gậy đánh và dùng dao phay chém vào trán phải anh T4, làm anh 4 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%.

Mặc dù bị cáo không trực tiếp đánh anh T4 nhưng bị cáo là người khởi xướng, hô hào, kích động nhóm bạn của mình đánh nhóm bạn của anh V1 trong đó có anh T4 nên ngoài phải chịu trách nhiệm đối với hành vi gây thương tích cho anh T3, bị cáo còn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thương tích của anh T4.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương

tích theo Điều 134 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố đối bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy tổng tỷ lệ thương tích mà bị cáo gây ra trong vụ án này dưới 30% nhưng do bị cáo, nhóm của bị cáo đã dùng gậy tre, dao phay, tuýp sắt, gậy bóng chày là "hung khí nguy hiểm" thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; ngoài ra chỉ vì duyên cớ nhỏ nhặt mà bị cáo gây thương tích cho người khác nên hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm tới sức khỏe của người khác mà còn ảnh hưởng tới tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Sau khi phạm tội, bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho quá tình điều tra vụ án. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về Trách nhiệm dân sự:

Do chưa xác định được họ, tên, địa chỉ cụ thể của những đối tượng tham gia cùng V đánh T3 và T4, nên trong vụ án này V phải bồi thường toàn bộ về thiệt hại của người bị hại, đảm bảo nguyên tắc thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời theo Điều 585 Bộ luật dân sự. Việc yêu cầu bồi hoàn có thể thực hiện bằng một vụ kiện dân sự khác nếu có căn cứ.

** Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh T3:*

Anh T3 yêu cầu V bồi thường các khoản: Tiền viện phí 7 triệu đồng; chi phí đi lại của anh là 2.500.000 đồng; chi phí đi lại của người thân chăm sóc anh = 1.700.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần là 20 triệu đồng, tiền mất thu nhập của ông Đ1 (bố anh T3) khi phải nghỉ 9 ngày để chăm sóc anh tại Bệnh viện là 2.700.000đ; tiền mất thu nhập của anh = 250.000đ x 60 ngày= 15 triệu đồng. Tổng = 48.900.000 đồng.

Xem xét yêu cầu trên của anh T3, Hội đồng xét xử thấy: Theo bảng kê viện phí do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương cung cấp, tổng chi phí điều trị của anh T3 là 5.726.800đ, ngoài ra anh T3 không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh về số tiền khám chữa bệnh. Do đó chỉ có cơ sở buộc bị cáo bồi thường cho anh T3 số tiền khám chữa bệnh là 5.726.800đ. Về số tiền mất thu nhập của anh T3 và ông Đ1, anh T3 và ông Đ1 không cung cấp được tài liệu nào, chứng cứ nào chứng minh về thu nhập của mình, trong khi UBND xã H xác định thu nhập bình quân của người dân xã H là 150.000đ/1 ngày; ngoài ra theo

hồ sơ bệnh án của anh T3, thời gian điều trị tại Bệnh viện của anh là 9 ngày, tình trạng khi ra viện ổn định. Anh T3 không cung cấp được tài liệu nào thể hiện chỉ định của bác sỹ sau khi ra viện phải tiếp tục điều trị hay phục hồi chức năng ở đâu. Do đó, đối với tiền mất thu nhập của anh T3 cũng như của người thân chăm sóc anh T3, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức bồi thường là 150.000đ x 9 ngày/1 người. Về chi phí đi lại, tuy anh T3 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng được Tòa án xem xét chấp nhận ở mức hợp lý là 1 triệu đồng chi phí đi lại cho anh T3 và 1 triệu đồng chi phí đi lại cho người thân chăm sóc anh T3. Về tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: Tại phiên tòa anh T3 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 20 triệu đồng, căn cứ vào tỷ lệ tổn thương của anh T3, thấy mức bồi thường mà anh T3 yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận. Tổng các khoản bị cáo phải bồi thường cho anh T3 = 30.426.800đ.

** Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh T4:*

Anh T4 yêu cầu Bùi Văn V bồi thường các khoản sau: Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương = 9.643.930đ; tiền thuốc = 6.709.216đ, thu nhập thực tế bị mất của người thân chăm sóc anh T4 = 1.500.000đ; thu nhập thực tế bị mất của anh T4= 1.500.000đ; chi phí đi lại của anh T4 và người nhà anh T4 trong quá trình anh T4 điều trị bệnh = 2000.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần = 29.800.000đ. Tổng = 51.153.146đ.

Xét: Yêu cầu về số tiền khám chữa bệnh của anh T4 phù hợp với hóa đơn, tài liệu do anh T4 cung cấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về Thu nhập bị mất của anh T4 và vợ anh trong thời gian anh điều trị bệnh, anh T4 yêu cầu mức 250.000đ x 6 ngày/1 người nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh về mức thu nhập này, trong khi UBND xã H xác định thu nhập trung bình của lao động tự do tại địa phương là 150.000đ/ ngày, do đó chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền là 150.000đ x 6 ngày/ người. Chi phí đi lại như anh T4 yêu cầu tuy không có hóa đơn nhưng xét thấy số tiền này là hợp lý, cần được chấp nhận. Về số tiền bù đắp tổn thất tinh thần, căn cứ vào tỷ lệ tổn thương của anh T4, Hội đồng xét xử thấy mức yêu cầu của anh T4 tương đương với 20 tháng lương cơ sở là phù hợp, được chấp nhận. Tổng các khoản bị cáo phải bồi thường cho anh T4 = 49.953.000đ (đã làm tròn số).

[6]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được nên không đặt ra vấn đề xem xét xử lý vật chứng

[7]. Quá trình điều tra Bùi Văn V cung cấp số điện thoại liên lạc với người tên là H9 ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có số điện thoại 0386624744. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ thư tín, điện tín xác định chủ thuê bao số điện thoại 0386624744 là của chị Hoàng Thị M ở thôn T, xã Q, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang, chị M xác định mình là chủ thuê bao trên nhưng đã làm mất sim số điện thoại. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với những người có tên là Đ2, H3, L là bạn của H9 ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, theo lời khai của Bùi Văn V cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa xác định được họ, tên, địa chỉ cụ thể nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với anh Đỗ Văn C là lái xe taxi chở Bùi Văn V cùng nhóm của H9 đến quán ăn N, anh C không biết việc V mâu thuẫn và cùng nhóm bạn gây thương tích nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Tuy sự việc đánh nhau xảy ra vào ban đêm tại trước cửa quán N ở khu 1, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, nhưng do thời gian xảy ra nhanh, những người dân sinh sống tại khu vực đó đều xác định không ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, không ảnh hưởng tới sinh hoạt của khu phố, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi Gây rối trật tự công công.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn V phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 35 (ba mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Bùi Văn V phải bồi thường cho anh Phạm Việt T4 các khoản: Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương = 9.643.930đ; tiền thuốc = 6.709.216đ, thu nhập thực tế bị mất của người thân chăm sóc anh T4 = 900.000đ; thu nhập thực tế bị mất của anh T4 = 900.000đ; chi phí đi lại của anh T4 và người thân của anh T4 trong quá trình anh T4 điều trị bệnh = 2.000.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần = 29.800.000đ. Tổng các khoản = 49.953.000đ (đã làm tròn số).

- Bị cáo Bùi Văn V phải bồi thường cho anh Nguyễn Viết T3 các khoản: Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương = 5.726.800đ, thu nhập thực tế bị mất của người thân chăm sóc anh T3 = 1.350.000đ; thu nhập thực tế bị mất của anh T3= 1.350.000đ; chi phí đi lại của anh T3 và người thân của anh T3

trong quá trình anh T3 điều trị bệnh = 2.000.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần = 20.000.000đ. Tổng các khoản = 30.426.800.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên, nếu người phải thi hành chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.019.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung